

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KHO & LƯU TRỮ HÀNG HOÁ
Số : 03HN/GAET-DAP/2017

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH 11 được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ luật dân sự số 33/2005/QH 11 và được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 08 tháng 09 năm 2017. Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT KINH DOANH TỔNG HỢP

Địa chỉ : Số 3/92 đường Nguyễn Lâm, Phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội
Điện thoại : 02438272064 - Fax: 02438731026
Mã số thuế : 0104860810
Tài khoản : 0531100013008
Tại : Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi Nhánh Long Biên
Đại diện : Ông Hoàng Đình Tuấn – Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á

Địa chỉ : Lô A2, CN3, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : 84 4 37831673 - Fax: 84 4 37831676
Mã số thuế : 0100274124
Tài khoản : 0421.00387.0883
Tại : Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hùng Vương
Đại diện : Bà Lê Minh Nguyệt - Chức vụ: Giám Đốc

XÉT RÀNG

- A. Bên A hoạt động trong lĩnh vực thương mại, có nhu cầu tìm kiếm nhà cung cấp dịch vụ cung ứng cho việc Thuê kho, Quản lý kho hàng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- B. Bên B là một nhà cung cấp dịch vụ cung ứng trọn gói, có khả năng cung cấp các dịch vụ về cung ứng cho Bên A trong việc cho Thuê kho, Quản lý kho hàng.

Nay các bên nhất trí về các điều kiện và điều khoản dưới đây:

Điều 1: PHẠM VI DỊCH VỤ

- 1.1 Bên A chỉ định Bên B là nhà cung cấp về cung ứng dịch vụ kho và lưu trữ hàng hóa cho Bên A tại địa chỉ: Kho : lô A2, CN6, cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, HN theo các điều kiện và điều khoản quy định tại Hợp đồng này và các phụ lục đính kèm Hợp đồng này.
- 1.2 Hai bên thống nhất và hiểu rằng hàng hóa của Bên A được lưu trữ và bảo quản tại Kho của Bên B thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A.
- 1.3 Diện tích kho chứa hàng, pallet dự kiến: theo nhu cầu của bên A.

Điều 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 2.1 Hợp đồng này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

- 2.2 Khi một trong hai bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo trước ít nhất sáu mươi (60) ngày cho Bên kia bằng văn bản cụ thể.
- 2.3 Trước 30 ngày Hợp đồng hết hiệu lực, nếu hai bên không có thỏa thuận khác bằng văn bản thì Hợp đồng này tự động được gia hạn thêm 01 (một) năm.

Điều 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

3.1. Quyền của Bên A

- Yêu cầu Bên B bảo đảm quyền sử dụng hợp pháp và đáp ứng các điều kiện để Bên A sử dụng hiệu quả diện tích chứa hàng gửi theo như quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này.
- Yêu cầu Bên B tuân thủ và thực hiện quy trình nhập hàng, xuất hàng như quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này và quy cách lưu trữ và bảo quản hàng hóa đính kèm Hợp đồng này.
- Bên A có quyền cử 1 nhân sự làm việc tại Kho Bên B để kiểm tra chất lượng hàng hoá trong quá trình Nhập kho – Lưu kho – Xuất kho.

3.2 Nghĩa vụ của Bên A

- Thông báo trước cho Bên B về kế hoạch nhập hàng, xuất hàng theo từng thời điểm để Bên B có kế hoạch nhân sự và kế hoạch nhập hàng, xuất hàng tương ứng như quy định cụ thể tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Cung cấp cho Bên B các đặc tính của hàng hóa, các hướng dẫn cụ thể về điều kiện lưu trữ và bảo quản hàng hóa như quy định chi tiết tại Phụ lục 2 của Hợp đồng này.
- Đảm bảo hàng hóa gửi tại kho của Bên B là hàng hóa có giấy tờ hợp lệ, không trong tình trạng bị tranh chấp bởi bất kì Bên/các Bên thứ Ba nào.
- Mua bảo hiểm hàng hóa của bên A lưu trữ tại kho bên B theo giá trị mà tự bên A kê khai với cơ quan bảo hiểm chỉ định của mình.
- Thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng hạn phí dịch vụ cùng các chi phí khác có liên quan đến việc gửi và lưu trữ hàng hóa như quy định chi tiết tại Phụ lục 3 của Hợp đồng này.

Điều 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA B

4.1 Quyền của Bên B

- Yêu cầu Bên A thông báo trước cho Bên B về kế hoạch nhập hàng, xuất hàng theo từng thời điểm để Bên B có kế hoạch nhân sự và kế hoạch nhập hàng, xuất hàng tương ứng như quy định cụ thể tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- Yêu cầu Bên A cung cấp các đặc tính của hàng hóa, các hướng dẫn cụ thể về điều kiện lưu trữ và bảo quản hàng hóa.
- Yêu cầu Bên A thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng hạn phí dịch vụ cùng các chi phí khác có liên quan đến việc gửi và lưu trữ hàng hóa như quy định chi tiết tại Phụ lục 3 của Hợp đồng này.
- Có quyền từ chối thực hiện dịch vụ nếu bên A không thực hiện đúng các quy định về dịch vụ lưu trữ hàng hoá (Hàng hoá cấm theo quy định của Nhà nước...) và có các chỉ dẫn không phù hợp với quy định pháp luật.

4.2 Nghĩa vụ của Bên B

- Lưu trữ và bảo quản hàng hóa của Bên A theo đúng tiêu chuẩn lưu giữ kho và thỏa thuận của hai bên theo quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm Hợp đồng này.
- Đảm bảo kho bãi của Bên B có tất cả các giấy phép theo quy định của pháp luật, bao gồm giấy phép phòng cháy, chữa cháy, giấy chứng nhận Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, và cung cấp các giấy tờ này cho Bên A khi có yêu cầu. Đồng thời phải đảm bảo Kho có đủ năng lực để lưu giữ hàng hóa của Bên A tại kho của Bên B phù hợp với các điều khoản quy định tại Hợp đồng này.
- Có trách nhiệm sắp xếp nhân công và phương tiện bốc dỡ hàng hoá tại hai đầu (dỡ hàng từ xe tải và đưa hàng vào kho; đưa hàng ra và xếp hàng lên xe tải), tổ chức giao nhận hàng hóa cho Bên A theo đúng quy trình về nhập hàng, xuất hàng như quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- Đảm bảo hàng hóa chất xếp lên pallet tuân thủ theo hướng dẫn của Bên A như quy định chi tiết tại Phụ lục 2 của Hợp đồng này.
- Bên B có trách nhiệm kịp thời sửa chữa những hư hỏng hoặc thiệt hại có ảnh hưởng đến cấu trúc an toàn của kho mà không phải do lỗi của Bên A. Bên B phải trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định của Pháp luật và chịu trách nhiệm phòng cháy chữa cháy cho kho trong mọi trường hợp.
- Đảm bảo vệ sinh kho của mình theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước.
- Đảm bảo bí mật thông tin và an toàn đối với hàng hóa của Bên A trong quá trình lưu kho.
- Bên B chịu trách nhiệm Quản lý “Phiếu Xuất Kho hàng gửi Bán Đại lý” cho Bên A theo số lượng nhận thực tế được xác nhận trên “Biên bản Bàn giao Phiếu xuất kho hàng gửi Bán đại lý”.
- Gửi báo cáo tổng hợp Xuất – Nhập – Tồn hàng ngày trước 9h00 ngày hôm sau cho Bên A theo quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- Tiến hành kiểm kê hàng hoá theo định kỳ 1 tháng/lần và kiểm kê hàng hóa đột xuất khi có yêu cầu của Bên A; đối chiếu số liệu hệ thống của Bên B so với Bên A và cùng Bên A thống nhất phương án giải quyết khi xảy ra sai lệch.
- Bên B đồng ý 01 nhân viên của Bên A làm việc tại kho của Bên B về việc kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá của Bên A lưu kho tại Bên B.
- Chịu trách nhiệm về những rủi ro của hàng hoá do lỗi của Bên B tại thời điểm hàng hóa đang ở trong kho của Bên B và có trách nhiệm bồi thường 100% thiệt hại theo quy định tại điều 8 hợp đồng này, ngoại trừ điều kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 5: PHÍ DỊCH VỤ

- 5.1 Phí dịch vụ cung ứng như được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- 5.2 Các loại phí dịch vụ sẽ được xem xét lại sau 1 thời gian vận hành trên nguyên tắc hợp lý giữa 2 bên, ngoại trừ phí lưu kho không được thay đổi trong vòng 01 năm kể từ ngày ký. Sau 01 năm, Bên A hoặc Bên B có yêu cầu điều chỉnh phí dịch vụ lưu kho, một trong hai Bên phải thông báo cho Bên còn lại trước 90 ngày. Sau đó, Hai bên thỏa thuận với nhau bằng một phụ lục hợp đồng mới, đính kèm Hợp đồng này. Phí dịch vụ sẽ được điều

chính không quá 20% của phí dịch vụ cũ và chính thức được áp dụng sau 30 ngày kể từ ngày ký phụ lục mới.

Điều 6: CHỨNG TỪ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

6.1 Chứng từ thanh toán:

- 6.1.1 Hóa đơn GTGT của bên B xuất cho bên A ghi nhận khối lượng lưu kho và vận hành kho trong tháng (từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng) vừa qua theo bảng kê lượng hàng hoá lưu kho và khối lượng bốc xếp đính kèm.
- 6.1.2 Bảng kê lượng hàng hoá lưu kho và khối lượng bốc xếp trong tháng

6.2 Phương thức thanh toán:

- 6.2.1 Vào ngày 01 hàng tháng hoặc ngày tiếp theo nếu ngày mùng 01 rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Nhà nước, Bên B lập bảng kê tổng hợp phí cung ứng dịch vụ kho và lưu trữ hàng hoá phát sinh trong tháng trước đó gửi Bên A. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được bảng kê của Bên B, Bên A kiểm tra đối chiếu số liệu và xác nhận. Nếu quá 03 ngày làm việc mà Bên A không phản hồi thì được hiểu mặc nhiên là Bên A đồng ý số liệu theo bảng kê của Bên B. Bên B sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo bảng kê đã được 2 bên xác nhận cho Bên A và số chênh lệch (nếu có) sẽ được khấu trừ vào tháng sau.
- 6.2.2 Trường hợp phát hiện ra chênh lệch, trước thời gian Bên B xuất hoá đơn, Bên A yêu cầu Bên B làm lại bảng kê và ký xác nhận theo số liệu mới đã được 2 bên thống nhất; Và Bên B sẽ xuất hoá đơn theo số liệu mới này.
- 6.2.3 Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán đầy đủ của Bên B, Bên A thanh toán đầy đủ các khoản phí dịch vụ và các chi phí phát sinh khác bằng hình thức chuyển khoản tới tài khoản của Bên B theo thông tin tài khoản phía trên.
- 6.2.4 Trường hợp Bên A không thanh toán đúng hạn như quy định tại khoản 6.2.1; 6.2.2 và 6.2.3 của Hợp đồng này thì Bên A sẽ chịu thêm tiền lãi chậm trả là 150% lãi suất cho vay ngắn hạn (áp dụng với thời hạn 03 tháng) do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán. Trong trường hợp Bên A không thanh toán khoản phí và tiền lãi trả chậm quá hạn trong 01 tháng kể từ ngày quá hạn thanh toán và có công văn yêu cầu thanh toán từ Bên B thì Bên B có quyền ngưng dịch vụ mà không phải chịu bất cứ một khoản bồi thường nào.
- 6.2.5 Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước hạn, Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ phải trả cho Bên B trước khi di dời hàng hóa ra khỏi kho.
- 6.2.6 Nếu có sự thay đổi về tài khoản thanh toán Bên B sẽ thông báo cho Bên A bằng văn bản.

Điều 7: BẢO MẬT

- 7.1 Bên A và Bên B nhất trí rằng không một bên nào được phép tiết lộ bất cứ điều kiện, điều khoản nào của bản hợp đồng này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phía bên kia. Ngoài ra, các bên cam kết không tiết lộ bất cứ một thông tin gì về kỹ thuật hay tài chính mà các bên biết được trong quá trình thực hiện dịch vụ cung ứng nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của hai bên.

- 7.2 Bên A hiểu rằng bất cứ thông tin gì hoặc thông tin về giá cả được sử dụng trong hoạt động thuê kho cũng được coi là thông tin bảo mật. Những thông tin đó bao gồm nhưng không giới hạn những thông tin trên chứng từ xuất, nhập kho.
- 7.3 Bên A và Bên B đều không có nghĩa vụ phải bảo mật các thông tin là: (i) thông tin phổ biến đại chúng; hoặc (ii) thông tin có được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba mà không có các ràng buộc về bảo mật thông tin; hoặc (iii) một bên bị pháp luật hay toà án yêu cầu phải cung cấp thông tin.

Điều 8: ĐIỀU KHOẢN BỒI THƯỜNG

- 8.1 Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đối với hàng hoá kể từ khi nhận hàng từ Bên A cho đến khi hoàn tất việc xuất hàng cho Bên A.
- 8.2 Bên B phải bồi thường toàn bộ trách nhiệm đối với việc hư hỏng hoặc mất mát đối với hàng hoá trong quá trình hàng hóa nằm trong kho (do lỗi chủ quan của phía bên B mà bảo hiểm không chấp nhận). Trong trường hợp có những mất mát, hư hỏng nêu trên, trách nhiệm của Bên B như sau:
- 8.2.1 Mất mát, hư hỏng khi hàng đang ở trong kho: bồi thường 100% theo giá mua hàng đã bao gồm VAT hiện hành dựa trên hóa đơn mua hàng của Bên A.
- 8.2.2 Việc bồi thường này phải được lập thành biên bản, có xác nhận của đại diện hai bên. Bên A không được tự ý trừ vào tiền phí dịch vụ phải thanh toán cho Bên B khi chưa có xác nhận của hai bên về trách nhiệm và giá trị bồi thường này.
- 8.2.3 Số tiền Bồi thường sẽ được khấu trừ vào tiền phí dịch vụ phải thanh toán của tháng tiếp theo (tháng sau) nếu Bên A và Bên B đã thống nhất được trách nhiệm và giá trị bồi thường.
- 8.2.4 Lập và ký Biên bản huỷ hàng đã bị hư hại theo sự thống nhất của Bên A và Bên B dựa trên Quy định của Pháp luật Việt Nam.
- 8.3 Bên B sẽ được miễn trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại nào đối với hàng hóa của Bên A trong quá trình lưu kho nếu chứng minh được thiệt hại đó phát sinh do:
- 8.3.1 Lỗi của nhân viên, thầu phụ, nhà cung cấp của Bên A hoặc sau khi bàn giao cho người nhận hàng do Bên A chỉ định.
- 8.3.2 Do ẩn tì, khiếm khuyết và sự hủy hoại do bản chất tự nhiên của hàng hóa gây ra.
- 8.3.3 Các trường hợp miễn trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
- 8.4 Bên A sẽ có trách nhiệm mua bảo hiểm mọi rủi ro cho hàng hóa chứa trong kho của Bên B nếu Bên A thấy cần thiết.
- 8.5 Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường trong bất cứ trường hợp nào đối với các thiệt hại gián tiếp phát sinh như giảm lợi nhuận hoặc mất thị trường...

Điều 9: GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG

Bên A và Bên B nhất trí rằng trong trường hợp có bất đồng xảy ra trong việc thực hiện các điều kiện và điều khoản của hợp đồng này, hai bên sẽ giải quyết bất đồng nói trên trên cơ sở thiện chí và hai bên cùng có lợi trong thời gian 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày một bên đưa ra yêu cầu giải quyết bất đồng bằng văn bản. Nếu tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng sẽ được đưa ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền theo thủ tục chung. Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi án phí và các phí tổn phát sinh.

Điều 10: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được chấm dứt bởi các nguyên nhân sau:

- 10.1 Hoạt động hoặc/và hàng hóa của Bên A được phát hiện là bất hợp pháp, không tuân thủ các điều khoản và điều kiện ký kết trong Hợp đồng này;
- 10.2 Hoạt động của Bên B được phát hiện là bất hợp pháp, không tuân thủ các điều khoản và điều kiện ký kết trong Hợp đồng này;
- 10.3 Sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật như: thiên tai, cháy nổ xảy ra ngoài tầm kiểm soát của cả hai Bên dẫn đến một trong hai Bên không thể thực hiện trách nhiệm của mình mặc dù đã cố gắng nỗ lực tốt nhất để khắc phục;
- 10.4 Do Cơ quan nhà nước đình chỉ một trong hai Bên hoặc buộc cả hai Bên chấm dứt Hợp đồng này;
- 10.5 Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực theo Điều 2 của Hợp đồng này.
- 10.6 Hợp đồng này được chấm dứt trước thời hạn trong trường hợp một Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước 90 (Chín mươi) ngày về việc muốn chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn.
- 10.7 Các bên vi phạm một hoặc nhiều điều khoản qui định của Hợp đồng này mà bên vi phạm không có các hành động sửa chữa trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc sau khi đã được Bên kia nhắc nhở Bên vi phạm 03 (ba) lần bằng văn bản trong thời gian trên.

Điều 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.
- 11.2 Bên A và Bên B sẽ không được tự ấn định bất cứ quyền và nghĩa vụ nào ngoài phạm vi hợp đồng này mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của phía bên kia.
- 11.3 Nếu bất kỳ điều kiện, điều khoản nào trong bản hợp đồng này bị xem là không có hiệu lực, không hợp pháp hoặc không thi hành được theo pháp luật Việt Nam, thì tất cả các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên tính hiệu lực, hợp pháp và thi hành được và không bị ảnh hưởng gì từ các điều khoản bị vô hiệu nói trên.
- 11.4 Hợp đồng này chỉ có thể sửa đổi, bổ sung khi có sự đồng ý bằng văn bản của cả hai bên.
- 11.5 Hợp đồng này có hiệu lực đối với cả những người kế nhiệm hợp pháp của cả hai bên.
- 11.6 Tất cả các sửa đổi, bổ sung của hợp đồng này sẽ là phụ lục của hợp đồng và là phần không thể tách rời của hợp đồng.
- 11.7 Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản tiếng Việt. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị như nhau.

Đại diện Bên A



GIÁM ĐỐC

Đại tá Hoàng Đình Tuấn

Đại diện Bên B



GIÁM ĐỐC

ĐS. Lê Minh Nguyệt

Phụ lục 1: Dịch vụ thuê kho + handling

A/ Biểu giá:

- Phí lưu kho hàng hóa : **VND10,000/ m3/ ngày (VND300,000/m3/tháng)**
- áp dụng chung cho kho GSP hoặc kho thường tùy theo điều kiện lưu trữ của hàng hóa: tại kho Tân Bình (HCM) , kho Từ Liêm (Hà Nội) và kho Hòa Khánh (Đà Nẵng)
(lưu kho=tồn đầu ngày+nhập trong ngày-xuất kho ngày hôm trước)
- Phí chiếm dụng vị trí kho : **VND 2,000/m3/ngày hoặc VND 60,000/m3/tháng**
(đã gồm phí thuê Pallet nhựa hoặc gỗ loại: 1,0 x 1,2 x 0,15m)
- Phí bốc xếp nhập hàng từ xe cont/ xe tải xuống(unloading) : **VND 50,000/m3**
Tính tổng số trọng lượng nhập trong tháng theo báo cáo nhập: (tính khi có phát sinh nhập hàng, kể cả hàng trả lại nhập kho)
- Phí bốc xếp cho xuất hàng lên xe tải (loading) : **VND 50,000/m3**
Tính tổng số trọng lượng xuất trong tháng theo báo cáo xuất
- Phí kiểm đếm , tally, xếp vào pallet, tem nhãn và đưa vào vị trí giá kệ và cập nhật ERP (Handling in) : **VND50,000/m3**
- Phí soạn hàng, nhặt hàng , đóng gói và xuất hàng (Handling out) : **VND50,000/m3**
- Phí bốc xếp hàng từ xe xuống cửa kho khách hàng : **VND50,000/m3/lượt - áp dụng các NPP**
: **VND80,000/m3/lượt - áp dụng các Bệnh viện**
- Phí Xử lý đơn hàng sang ERP : **VND10,000/các phiếu xuất nhập kho**
- Chi phí giao hàng đến Nội thành HN (các quận) : **VND2,000/kg (tối thiểu VND 400,000/đơn hàng)**
+ Ngoại thành (các huyện) : **VND3,000/kg (tối thiểu VND 600,000/đơn hàng)**
+ Tỉnh (trung tâm tỉnh) : **Case by case báo giá**
+ Đơn hàng thu tiền hộ : **0,5%*giá trị thu hộ**

PHÍ LÀM DỊCH VỤ NGOÀI GIỜ

- Từ 18:00-22:00 (thứ 2-7) : 150% biểu giá chuẩn cho mỗi loại dịch vụ
Từ 22:00-06:00 (thứ 2-7) : 200% biểu giá chuẩn cho mỗi loại dịch vụ
Từ Chủ nhật : 200% biểu giá chuẩn cho mỗi loại dịch vụ
Ngày lễ quốc gia : 300% biểu giá chuẩn cho mỗi loại dịch vụ

- Phí ngoài giờ tối thiểu : **VND 300,000/ lần làm ngoài giờ**

- Phí quản lý chung

:10% *Toàn bộ chi phí trong tháng

(kiểm đếm nhập xuất tồn, bàn giao + quản lý chứng từ, trông coi bảo quản)

B/ Phạm vi dịch vụ:

1. Quản lý hàng hóa:

- ✓ Theo dõi xuất nhập tồn trên phần mềm theo FEFO và quản lý hàng hóa theo vị trí, dễ dàng và thuận tiện cho việc lấy hàng nhanh chóng.
- ✓ Bảo cáo xuất nhập tồn hàng ngày (trích xuất từ hệ thống phần mềm)
- ✓ Đối chiếu hệ thống với tồn kho của khách hàng mỗi ngày, đảm bảo tồn kho chính xác >99,5%
- ✓ Xử lý đơn hàng và lệnh giao hàng theo yêu cầu - 100% xử lý trên hệ thống phần mềm (theo bin location- quản lý kho theo vị trí)
- ✓ Kiểm kê hàng hóa hàng ngày
- ✓ Nhặt hàng và đóng gói (tối đa 15 phút / đơn hàng)
- ✓ Kho có kiểm soát về nhiệt độ và độ ẩm (<30oC và <75% độ ẩm)
- ✓ Kho được kiểm soát vệ sinh hàng ngày
- ✓ Kiểm soát côn trùng và chuột hàng tháng.
- ✓ Bảo vệ 24/24 giờ
- ✓ Hệ thống back up tự động cho điện lưới và mạng internet dự phòng ngay lập tức sau 1 phút.

2. Xuất nhập hàng:

- ✓ Dỡ hàng nhập từ cont, xe tải / xếp hàng xuất lên pallets và xe tải
- ✓ Nhập xuất hàng bằng xe nâng điện hoặc manual bằng nhân công.
- ✓ Kiểm tra chất lượng, số lượng và phân loại theo mã hàng, mã lô, hạn dùng ...
- ✓ Pick hàng và soạn hàng tốc độ bằng hệ thống định vị hàng hóa.

C/ Ghi chú:

- ✓ Giá trên chưa bao gồm thuế VAT (10%)
- ✓ Thanh toán dựa trên tỷ giá bán ra của Vietcombank tại thời điểm phát hành hóa đơn(nếu dùng USD)
- ✓ Các dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ kho không nằm trong phạm vi hợp đồng sẽ được chào giá các phụ lục bổ sung.
- ✓ Giá trên đã bao gồm Bảo hiểm cháy nổ cho thân vỏ kho, Bảo hiểm hàng hóa trong kho sẽ do khách hàng tự kê khai và mua .
- ✓ Thời hạn thuê kho: 1 năm và tự động gia hạn nếu cần.
- ✓ Thời hạn thanh toán dịch vụ: 30 ngày (kể từ ngày xuất hóa đơn)
- ✓ Phụ lục là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số: **03HN/GAET-DAP/2017** đã ký ngày: 08/09/2017.... với các quyền và nghĩa vụ của 2 bên đã được quy định rõ.

Phụ lục này được thành lập thành 04 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản .

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

M. M. Tu

PHỤ LỤC 2: BẢNG GIÁ VẬN CHUYỂN HÀNG NỘI ĐỊA TỪ KHO TỪ LIÊM

Đơn vị: VND

S	Nơi Nhấn	Nơi (Giao) Hàng	KM	1.25T	2.5T	3.5T	5T	8T	11T	15T	20T
T	Thị trường	Thị trường		(1kg- >1250 kg)	(1250 kg- >2750 kg)	(2751 kg -> 3850)	(3850 kg - >5500 kg)	(5501 kg - >8800 kg)	(8801 kg - >12100)	(12101 kg - >15000)	(15001- >20000)
1	TU LIÊM	BẮC KẠN	170	2,425,000	3,087,500	3,512,500	4,575,000	5,508,000	5,880,000	6,528,000	7,908,000
2	TU LIÊM	LÀO CAI	280	3,825,000	4,375,000	5,075,000	7,000,000	8,064,000	8,628,000	9,576,000	11,592,000
3	TU LIÊM	BẮC NINH	53	725,000	937,500	1,125,000	1,325,000	1,440,000	1,800,000	3,360,000	3,600,000
4	TU LIÊM	BẮC GIANG	75	1,012,500	1,325,000	1,487,500	1,862,500	2,040,000	2,400,000	3,360,000	3,600,000
5	TU LIÊM	CAO BANG	285	3,900,000	4,462,500	5,175,000	7,125,000	8,208,000	8,784,000	9,756,000	11,820,000
6	TU LIÊM	DIEN BIEN	450	5,887,500	6,750,000	7,875,000	10,412,500	11,880,000	12,888,000	14,316,000	17,340,000
7	TU LIÊM	HA GIANG	285	3,900,000	4,462,500	5,175,000	7,125,000	8,208,000	8,784,000	9,756,000	11,820,000
8	TU LIÊM	HAI DUONG	88	1,187,500	1,550,000	1,737,500	2,187,500	2,376,000	2,580,000	3,360,000	3,600,000
9	TU LIÊM	HAI PHONG	112	1,450,000	1,837,500	2,087,500	2,712,500	3,276,000	3,504,000	3,888,000	4,704,000
10	TU LIÊM	HOA BINH	71	1,062,500	1,387,500	1,562,500	1,962,500	2,136,000	2,400,000	3,360,000	3,600,000
11	TU LIÊM	HUNG YEN	70	950,000	1,237,500	1,387,500	1,737,500	1,896,000	2,280,000	3,360,000	3,600,000
12	TU LIÊM	LAI CHAU	390	5,100,000	5,850,000	6,825,000	9,025,000	10,296,000	11,172,000	12,408,000	15,024,000
13	TU LIÊM	LANG SON	171	2,212,500	2,800,000	3,187,500	4,150,000	4,992,000	5,340,000	5,928,000	7,176,000
14	TU LIÊM	HA NAM	71	962,500	1,250,000	1,412,500	1,775,000	1,932,000	2,400,000	3,360,000	3,600,000
15	TU LIÊM	NINH BINH	105	1,362,500	1,725,000	1,962,500	2,550,000	3,072,000	3,276,000	3,636,000	4,404,000
16	TU LIÊM	NAM DINH	95	1,287,500	1,675,000	1,887,500	2,362,500	2,580,000	2,784,000	3,360,000	3,744,000
17	TU LIÊM	THANH HOA	167	2,150,000	2,737,500	3,112,500	4,050,000	4,872,000	5,208,000	5,784,000	7,008,000
18	TU LIÊM	PHU THO	93	1,262,500	1,637,500	1,837,500	2,312,500	2,520,000	2,724,000	3,024,000	3,660,000
19	TU LIÊM	QUANG BINH	511	6,025,000	6,912,500	8,062,500	10,350,000	11,040,000	11,940,000	13,260,000	16,044,000
20	TU LIÊM	QUANG NINH	164	2,125,000	2,687,500	3,050,000	3,975,000	4,788,000	5,112,000	5,676,000	6,876,000
21	TU LIÊM	SON LA	270	3,325,000	3,812,500	4,412,500	6,075,000	7,008,000	7,488,000	8,316,000	10,068,000
22	TU LIÊM	THAI BINH	112	1,450,000	1,837,500	2,087,500	2,712,500	3,276,000	3,504,000	3,888,000	4,704,000
23	TU LIÊM	THAI NGUYEN	88	1,187,500	1,550,000	1,737,500	2,187,500	2,376,000	2,580,000	3,360,000	3,600,000
24	TU LIÊM	TUYEN QUANG	130	1,862,500	2,362,500	2,687,500	3,500,000	4,212,000	4,500,000	4,992,000	6,048,000
25	TU LIÊM	VINH PHUC	50	687,500	887,500	1,125,000	1,250,000	1,356,000	1,800,000	3,360,000	3,600,000
26	TU LIÊM	YEN BAI	160	2,287,500	2,900,000	3,300,000	4,300,000	5,184,000	5,532,000	6,144,000	7,452,000
27	TU LIÊM	HA TINH	360	4,250,000	4,862,500	5,675,000	7,500,000	8,556,000	9,288,000	10,308,000	12,480,000
28	TU LIÊM	NGHE AN	305	3,600,000	4,125,000	4,812,500	6,362,500	7,248,000	7,884,000	8,748,000	10,584,000
29	TU LIÊM	HA NOI 1	20	537,500	812,500	1,125,000	1,250,000	1,512,000	1,800,000	3,360,000	3,672,000
30	TU LIÊM	HA NOI 2	35	600,000	812,500	1,125,000	1,250,000	1,680,000	2,040,000	3,360,000	4,068,000

Ghi chú

- Hà nội 1 (12 Quận): Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, Tây Hồ
 - Hà nội 2 (18 Huyện, TX): Sơn Tây, Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phúc Thọ, Phú Xuyên, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Ứng Hòa

1. Hai bên sẽ cùng điều chỉnh Giá Xăng/Dầu khi giá thị trường điều chỉnh +/- 10%.

2. Giá chưa đã bao gồm VAT 10%

3. Trong một lần đi giao hàng, giao từ tỉnh thứ hai trở lên được cộng thêm 200,000VND/tỉnh,

Trong một tỉnh giao hàng từ điểm thứ 2 trở lên sẽ được cộng thêm 100,000VND/điểm.

4. Báo giá đã bao gồm các chi phí phát sinh khi giao hàng: Vào đường cấm, giao hàng trong giờ cao điểm (giờ cấm xe tải).

Nếu có phát sinh các Khu vực Phô cấm, chuyển tải v... Hai bên sẽ trao đổi cho từng trường hợp phát sinh cụ thể dựa trên tình hình thực tế.

5. Chi phí nhận hàng trả về: 60% giá của chuyển xe tương ứng với lượng hàng thực tế

6. Đỡ hàng xuống xe khi giao hàng cho khách hàng

Phí dỡ hàng tại điểm giao hàng: 100,000 đồng / tấn (cùng tăng với một hàng xe đậu)

7. Xe chờ đúng trọng tải thiết kế của xe

8. Giá cước đã bao gồm chi phí vé cầu đường.

9. Chi phí phát sinh khác